TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H phúc

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày: 15/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ TỈNH G L

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn T S**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu T**
Ông **Lê V D**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **V Đ Q**, cán bộ Toà án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông **Phạm T Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ Đ tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

N H, tên gọi khác: T. Giới tính: Nam. Sinh năm 1986, tại tỉnh G L. Nơi cư trú: Thôn X, xã T B, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Ng B, sinh năm 1954. Mẹ: Trịnh T H, sinh năm 1959. Gia đình bị cáo có 06 anh, em. Lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1998, bị cáo là con thứ tư trong gia đình, bị cáo chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 12/8/2019 bị cáo bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ ra quyết định khởi tố bị can và khởi tố vụ án hình về tội hiếp dâm, đến ngày 27/9/2019 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ ra quyết định đình chỉ điều tra bị can và đình chỉ điều tra vụ án hình sự do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại
Lê H L – sinh năm: 1989
Địa chỉ: Thôn X, xã T B, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
1.Lê T L – sinh năm: 1994
Địa chỉ: Thôn X, xã T B, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
2.Huỳnh V T – sinh năm: 1993
Địa chỉ: Thôn H, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 24/4/2019, N H đi bộ đến nhà anh Lê H L (sinh năm 1989, cư trú tại Thôn X, xã T B, huyện Đ Đ, tỉnh G L) chơi. Khi đến nhà thấy anh L đang nằm ngủ ở trong phòng, H đi vào trong phòng gọi anh L dậy nhưng anh L không trả lời, phát hiện điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 7PLUS màu vàng của anh L để ở đầu giường. Lợi dụng anh L ngủ say H đã lấy điện thoại bỏ vào túi quần của mình rồi đi bộ về. Sau khi về nhà H mượn điện thoại của anh ruột mình tên Ng V (sinh năm 1978, trú tại: Thôn X, xã T B, huyện Đ Đ, tỉnh G L) gọi điện cho Huỳnh V T (sinh năm 1993, trú tại: Làng H, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L) nhờ T đến chở đi sửa điện thoại thì T đồng ý.

Sau đó Huỳnh V T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81B1- 191.05 đến chở H mang theo chiếc điện thoại mà H trộm cắp được đến tiệm điện thoại L tại T D P, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L do anh Lê T L (sinh năm 1994, trú tại: Thôn X, xã T B, huyện Đ Đ, tỉnh G L) làm chủ. Khi đến tiệm điện thoại, T đứng ngoài đường, một mình H đi vào tiệm điện thoại gặp anh L đặt vấn đề bán điện thoại. Anh L kiểm tra điện thoại thấy bị khóa màn hình, anh L yêu cầu H mở mật khẩu điện thoại để kiểm tra thì H trả lời quên mật khẩu. Anh L không đồng ý mua thì anh H nói: "Đang cần tiền gấp để trả nợ" thì L đồng ý rồi đưa cho H 1.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, H và T đi tiêu xài hết số tiền trên.

Đến khoảng hơn 09 giờ sáng cùng ngày, sau khi ngủ dậy phát hiện bị mất điện thoại, anh Lê H L đi đến tiệm điện thoại của Lê T L nói cho L biết mình bị mất điện thoại và hỏi L: "Có ai đem điện thoại VIVO 7PLUS đến bán cho L không?" thì L trả lời có và anh L nhận ra chiếc điện thoại mà anh L đã mua là của mình nên cả hai đã báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ để điều tra xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 31/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ xác định: Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 7PLUS có trị giá là 7.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ tỉnh G L truy tố bị cáo N H về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo N H từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2019.

Áp dụng: *Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự*

Buộc bị cáo N H phải bồi thường cho anh Lê T L số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 24/4/2019, tại Thôn X, xã T B, huyện Đ Đ, tỉnh G L, lợi dụng anh Lê H L đang ngủ, tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 7 PLUS của anh Lê H L để ở đầu giường, không có người trông coi nên N H đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại trên.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số15 ngày 31/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ xác định: Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 7PLUS có trị giá là 7.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 7.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: *"Trộm cắp tài sản"*, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

+ Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 12/8/2019 bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ Đ ra quyết định khởi tố bị can và khởi tố vụ án hình về tội hiếp dâm, đến ngày đến ngày 27/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ ra quyết định đình chỉ điều tra bị can và đình chỉ điều tra vụ án hình sự do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N H có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian suy nghĩ và sửa chữa lỗi lầm, đồng thời mới bảo đảm được tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đối với anh Lê T L là người đã trực tiếp mua chiếc điện thoại do bị can N H phạm tội được mà có. Tuy nhiên, anh L không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hình sự là phù hợp.

[6] Đối với anh Huỳnh V T là chủ sở hữu xe mô tô BKS 81B1-191.05, anh Huỳnh V T đã điều khiển xe mô tô chở bị cáo N H đi tiêu thụ tài sản do H trộm cắp mà có nhưng anh T không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với anh T và xử lý đối với xe mô tô trên là phù hợp.

[7] Vật chứng trong vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 7PLUS màu vàng do anh Lê T L giao nộp.

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên thuộc sở hữu của anh Lê H L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

[8] Về dân sự:

- Bị hại anh Lê H L đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Lê T L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu bị cáo N H bồi thường lại số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh Lê T L số tiền 1.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo tự nguyện bồi thường nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;*

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều Điều 589 Bộ luật dân sự

-Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố:

-Bị cáo N H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

3. Hình phạt:

+Xử phạt bị cáo N H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2019.

+Buộc bị cáo N H phải bồi thường cho anh Lê T L số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Xử buộc bị cáo N H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/10/2019), bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G L;
- Sở tư pháp tỉnh G L;
- Công an huyện Đ Đ;
- VKSND huyện Đ Đ;
- THADS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có qlnvlq đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Án Văn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn T S